ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 483 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2024*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 242/TTr-TNMT ngày 21/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Crown Advanced Material Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Nhà xưởng CN 07-03, Lô CN-07, KCN Vân Trung, phường Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Nhà máy Crown Advanced Material Việt Nam" tại Lô CNSG-10 (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH công nghệ điện tử Long Hưng), KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Nhà máy Crown Advanced Material Việt Nam.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Crown Advanced Material Việt Nam

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô CNSG-10 (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH công nghệ điện tử Long Hưng), KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400861053 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 04/4/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 05/7/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9850018547 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 16/6/2023.

1.5. Mã số thuế: 2400861053

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm từ Plastic chi tiết: Sản xuất, gia công các sản phẩm màng nhựa, nhựa composite sử dụng để bảo vệ bề mặt tấm pin năng lượng mặt trời.

1.7. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Lô CNSG-10 (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH công nghệ điện tử Long Hưng), KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích 14.980,8 m^2 *(Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc cho thuê nhà xưởng)*.

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Sản xuất các sản phẩm từ Plastic chi tiết: Sản xuất, gia công các sản phẩm màng nhựa, nhựa composite sử dụng để bảo vệ bề mặt tấm pin năng lượng mặt trời: 57.600.000 m^2/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Crown Advanced Material Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

2.1. Công ty TNHH Crown Advanced Material Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Công ty TNHH Crown Advanced Material Việt Nam có trách nhiệm:

- Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên**.**

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án "Nhà máy Crown Advanced Material Việt Nam" tại lô CNSG-10 (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH công nghệ điện tử Long Hưng), KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên làm chủ đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1314/QĐ-TNMT ngày 22/12/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Crown Advanced Material Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư dự án "Nhà máy Crown Advanced Material Việt Nam" tại lô CNSG-10, KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND thị xã Việt Yên, Công ty TNHH Crown Advanced Material Việt Nam và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án *(trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công)*;
- Văn phòng UBND tỉnh:
+ LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
+ Cổng thông tin điện tử tỉnh;
+ Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /5/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải phát sinh của dự án được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m^3/ngày.đêm của đơn vị cho thuê xưởng để xử lý. Công ty TNHH Công nghệ điện tử Long Hưng - đơn vị cho thuê nhà xưởng có trách nhiệm xử lý nước thải của dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đấu nối với trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung *(theo hợp đồng nguyên tắc cho thuê nhà xưởng số 20230410/MGCR-LH ngày 10/4/2023 giữa Công ty TNHH công nghệ điện tử Long Hưng với Công ty TNHH Crown Advanced Material Việt Nam và Văn bản số 1812/XN-LT ngày 15/01/2024 của Công ty TNHH công nghệ điện tử Long Hưng gửi Công ty TNHH Crown Advanced Material Việt Nam)*; dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

* Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh của dự án sau khi được xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại 3 ngăn tại nhà xưởng D và 02 bể tự hoại 3 ngăn tại nhà xưởng A với thể tích mỗi bể là 5 m^3 (do đơn vị cho thuê nhà xưởng xây dựng) được thu gom bằng đường ống PVC D125 với tổng chiều dài khoảng 136 m, ống PVC D140 dài khoảng 102m và ống PVC D200 dài khoảng 9,5m dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50m^3/ngày đêm của Công ty TNHH Công nghệ điện tử Long Hưng – đơn vị cho thuê nhà xưởng để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đấu nối với hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên.

* Nước thải sản xuất:

- Quá trình sản xuất màng nhựa phát sinh nước làm mát. Tính chất của nước làm mát có nhiệt độ rất cao, không chứa các tạp chất. Vì vậy, Chủ dự án áp dụng biện pháp giảm nhiệt thông qua hệ thống tháp tản nhiệt sau đó tuần hoàn sử dụng lại mà không thải bỏ. Định kỳ khoảng 6 tháng/lần, Chủ dự án sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng đến vệ sinh tháp và vận chuyển chất thải cùng nước thải đi xử lý, không lưu giữ tại nhà máy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50 m^3/ngày đêm của Công ty TNHH Công nghệ điện tử Long Hưng: Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn) → Bể điều hoà → Bể thiếu khí→ Bể hiếu khí→ Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Vân Trung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày 5/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Có 03 nguồn khí thải phát sinh:

+ Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn đùn ép cán màng nhựa của quy trình sản xuất màng nhựa;

+ Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ công đoạn phủ keo của quy trình sản xuất tấm đỡ pin năng lượng mặt trời;

+ Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ công đoạn sấy keo của quy trình sản xuất tấm đỡ pin năng lượng mặt trời.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 06 dòng khí thải

+ 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn đùn ép cán màng của dây chuyền sản xuất màng nhựa số 1,2,3.

+ 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn đùn ép cán màng của dây chuyền sản xuất màng nhựa số 4,5,6.

+ 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn sấy của dây chuyền sản xuất tấm đỡ pin số 1,2.

+ 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn sấy của dây chuyền sản xuất tấm đỡ pin số 3.

+ 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn sấy của dây chuyền sản xuất tấm đỡ pin số 4.

+ 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải khu vực phết keo của của quy trình sản xuất tấm đỡ pin.

2.1. Vị trí xả khí thải: 06 vị trí tại 06 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải. Cụ thể:

+ Vị trí 1: Tại ống thoát khí thải sau HTXL khí thải công đoạn đùn ép cán màng của dây chuyền sản xuất màng nhựa số 1,2,3. Tọa độ vị trí xả khí thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0): VT1: X = 2350775; Y =411488.

+ Vị trí 2: Tại ống thoát khí thải sau HTXL khí thải công đoạn đùn ép cán màng của dây chuyền sản xuất màng nhựa số 4,5,6. Tọa độ vị trí xả khí thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0): VT2: X = 2350768; Y =411487.

+ Vị trí 3: Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn sấy của dây chuyền sản xuất tấm đỡ pin số 1,2. Tọa độ vị trí xả khí thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0): VT1: X = 2350746; Y =411652.

+ Vị trí 4: Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn sấy

của dây chuyền sản xuất tấm đỡ pin số 3. Tọa độ vị trí xả khí thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0): VT1: X = 2350756; Y =411652.

+ Vị trí 5: Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn sấy của dây chuyền sản xuất tấm đỡ pin số 4. Tọa độ vị trí xả khí thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0): VT1: X =2350765 ; Y =411653.

+ Vị trí 6: Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải khu vực phết keo của của quy trình sản xuất tấm đỡ pin. Tọa độ vị trí xả khí thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0): VT1: X =2350773 ; Y =411606

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất: 109.330 m^3/giờ, tương đương 2.623.920 m^3/ngày (tính theo 24 giờ làm việc). Trong đó:

+ Hệ thống xử lý khí thải số 01: 20.000 m^3/giờ tương đương 480.000 m^3/ngày đêm.

+ Hệ thống xử lý khí thải số 02: 20.000 m^3/giờ tương đương 480.000 m^3/ngày đêm.

+ Hệ thống xử lý khí thải số 03: 20.000 m^3/giờ tương đương 480.000 m^3/ngày đêm.

+ Hệ thống xử lý khí thải số 04: 20.000 m^3/giờ tương đương 480.000 m^3/ngày đêm.

+ Hệ thống xử lý khí thải số 05: 20.000 m^3/giờ tương đương 480.000 m^3/ngày đêm.

+ Hệ thống xử lý khí thải số 06: 9.330 m^3/giờ tương đương 223.920 m^3/ngày đêm.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (24 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) cụ thể như sau:

STT	**Chất ô nhiễm**	**Đơn vị tính**	**Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm**		**Tần suất quan trắc định kỳ**
			QCVN 19:2009/BTNMT	**QCVN 20:2009/BTNMT**	
1	Lưu lượng	m^3/giờ	-	-	6 tháng/lần
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	200	-	
3	CO	mg/Nm^3	1.000	-	
4	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	850	-	
5	Benzen	mg/Nm^3	-	5	01 năm/lần
6	Toluen	mg/Nm^3	-	750	
7	Xylen	mg/Nm^3	-	870	
8	Etanolamin	mg/Nm^3	-	45	

9	Etylbenzen	mg/Nm^3	-	870	
10	Formaldehyt	mg/Nm^3	-	20	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

* Thu gom khí thải từ công đoạn đùn ép cán màng của quy trình sản xuất màng nhựa:

Hệ thống xử lý khí thải số 1: Khí thải khu vực đùn nhựa, ép màng từ dây chuyền 1, 2, 3 sẽ được thu gom qua 3 chụp hút kích thước 600x350x350(mm) sau đó theo đường ống dẫn tròn D200 với tổng chiều dài 15,5m thu về đường ống hình hộp (1000mm x 600mm) dài khoảng 64m dẫn về tháp hấp phụ than hoạt tính kích thước (LxBxH= 1,6m x 1.0m x 1,4m) dưới áp lực của quạt hút công suất 20.000 m3/ giờ. Khí thải sau khi hấp phụ qua tháp than hoạt tính sẽ thoát ra ngoài môi trường theo đường ống dẫn khí hình hộp (600mmx500mm) cao 13m.

Hệ thống xử lý khí thải số 2: Khí thải khu vực đùn nhựa, ép màng từ dây chuyền 4, 5, 6 sẽ được thu gom qua 3 chụp hút kích thước 600x350x350(mm) sau đó theo đường ống dẫn tròn D200 với tổng chiều dài 5,7m thu về đường ống hình hộp (1000mmx600mm) dài khoảng 30,7m dẫn chính về tháp hấp phụ than hoạt tính kích thước (LxBxH= 1,6mx1,0mx1,4m) dưới áp lực của quạt hút công suất 20.000 m^3/giờ. Khí thải sau khi hấp phụ qua tháp than hoạt tính sẽ thoát ra ngoài môi trường theo đường ống dẫn khí hình hộp (600mmx500mm) cao 13m.

* Thu gom khí thải phát sinh từ công đoạn phủ keo, sấy keo của quy trình sản xuất tấm đỡ pin:

Hệ thống xử lý khí thải số 3: Khí thải dây chuyền sấy số 1, 2 sẽ được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 3. Tại dây chuyền 1 và dây chuyền 2 bố trí 8 chụp hút kích thước (600mmx350mmx350mm) và 11 ống hút Φ125 (trong đó dây chuyền 1 bố trí 11 ống hút Φ125 và dây chuyền 2 bố trí 8 chụp hút) sau đó theo đường ống dẫn tròn D200 với tổng chiều dài 48m thu về đường ống hình hộp (1000mmx600mm) chiều dài 57m để thu gom dẫn về thiết bị xử lý UV kích thước (4,78mx 5,9mx 1,1m) sau đó đi qua tháp hấp phụ than hoạt tính kích thước (LxBxH= 1,6m x 1.0m x 1,4m) dưới áp lực của quạt hút công suất 20.000 m^3/giờ. Khí thải sau khi hấp phụ qua tháp than hoạt tính sẽ thoát ra ngoài môi trường theo đường ống dẫn khí hình hộp (600mmx500mm) cao 13m.

Hệ thống xử lý khí thải số 4: Khí thải dây chuyền sấy số 3 sẽ được thu gom qua 8 chụp hút kích thước (600mmx350mmx350mm) sau đó theo đường ống dẫn tròn D200 với tổng chiều dài 34m thu về đường ống hình hộp (1000mmx600mm) dài khoảng 57m dẫn chính về thiết bị xử lý UV kích thước (4,78mx 5,9mx 1,1m) sau đó đi qua tháp hấp phụ than hoạt tính kích thước (LxBxH= 1,6mx1,0mx1,4m) dưới áp lực của quạt hút công suất 20.000 m^3/ giờ. Khí thải sau khi hấp phụ qua tháp than hoạt tính sẽ thoát ra ngoài môi trường theo đường ống dẫn khí hình hộp (600mmx500mm) cao 13m.

Hệ thống xử lý khí thải số 5: Khí thải dây chuyền sấy số 4 sẽ được thu gom qua 8 chụp hút kích thước (600mmx350mmx350mm) sau đó theo đường ống dẫn tròn D200 với tổng chiều dài 34m thu về đường ống hình hộp (1000mmx600mm) dài khoảng 57m dẫn chính về thiết bị xử lý UV kích thước (4,78mx 5,9mx 1,1m) sau đó đi qua tháp hấp phụ than hoạt tính kích thước (LxBxH= 1,6mx1,0mx1,4m) dưới áp lực của quạt hút công suất 20.000 m^3/ giờ. Khí thải sau khi hấp phụ qua tháp than hoạt tính sẽ thoát ra ngoài môi trường theo đường ống dẫn khí hình hộp (600mmx500mm) cao 13m.

Hệ thống xử lý khí thải số 6: Khí thải phát sinh khu vực phết keo tại phòng kín được thu gom qua đường ống tròn D200 với chiều dài 28m dẫn về thiết bị xử lý UV kích thước (4,78mx 5,9mx 1,1m) sau đó đi qua tháp hấp phụ than hoạt tính kích thước (LxBxH= 1,6mx1,0mx1,4m) dưới áp lực của quạt hút công suất 9.330 m^3/ giờ. Khí thải sau khi hấp phụ qua tháp than hoạt tính sẽ thoát ra ngoài môi trường theo đường ống dẫn khí hình hộp (600mmx500mm) cao 13m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

* 02 hệ thống xử lý khí thải xử lý từ công đoạn đùn ép cán màng của quy trình sản xuất màng nhựa:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hệ thống xử lý khí thải số 01 và số 02 đều sử dụng chung công nghệ hấp phụ bằng than hoạt tính như sau: Khí thải phát sinh → Chụp hút, ống hút→ Ống dẫn →Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút→ Ống thoát khí → Môi trường (Khí thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế: 20.000m^3/giờ/ hệ thống.

- Vật liệu sử dụng: Than hoạt tính khối lượng 150kg/hệ/06 tháng.

* 04 hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn phết keo và sấy của quy trình sản xuất tấm đỡ pin:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Cả 04 hệ thống xử lý khí thải số 03, 04, 05 và 06 đều sử dụng công nghệ xử lý qua thiết bị UV kết hợp hấp phụ bằng than hoạt tính như sau: Khí thải phát sinh → Chụp hút, ống hút→ Ống dẫn → Thiết bị UV → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút→ Ống thoát khí → Môi trường (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống xử lý khí thải số 03: 20.000m^3/giờ/ hệ thống.

+ Hệ thống xử lý khí thải số 04: 20.000m^3/giờ/ hệ thống.

+ Hệ thống xử lý khí thải số 05: 20.000m^3/giờ/ hệ thống.

+ Hệ thống xử lý khí thải số 06: 9.330 m^3/giờ/ hệ thống.

- Vật liệu sử dụng: Than hoạt tính khối lượng 150kg/hệ thống/6 tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường ống dẫn khí, các van dẫn khí, quạt hút...trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Tiến hành các biện pháp làm thông thoáng nhà xưởng để tránh gây ảnh hưởng đến công nhân khi sự cố xảy ra.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của công nhân vận hành hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố

- Khi phát hiện, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ 01/9/2024 đến 30/11/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm: 06 hệ thống xử lý bụi, khí thải. Gồm:

+ HTXLKT số 1: Hệ thống xử lý khí thải công đoạn đùn ép cán màng của dây chuyền sản xuất màng nhựa số 1,2,3 công suất 20.000 m^3/giờ.

+ HTXLKT số 2: Hệ thống xử lý khí thải công đoạn đùn ép cán màng của dây chuyền sản xuất màng nhựa số 4,5,6 công suất 20.000 m^3/giờ.

+ HTXLKT số 3: Hệ thống xử lý khí thải công đoạn phủ keo và sấy của dây chuyền sản xuất tấm đỡ pin số 1,2 công suất 20.000 m^3/giờ.

+ HTXLKT số 4: Hệ thống xử lý khí thải công đoạn sấy của dây chuyền sản xuất tấm đỡ pin số 3 công suất 20.000 m^3/giờ.

+ HTXLKT số 5: Hệ thống xử lý khí thải công đoạn sấy của dây chuyền sản xuất tấm đỡ pin số 4 công suất 20.000 m^3/giờ.

+ HTXLKT số 6: Hệ thống xử lý khí thải khu vực phết keo của nhà xưởng sản xuất tấm đỡ pin công suất 9.330 m^3/giờ.

2.3. Vị trí lấy mẫu, tần suất lấy mẫu:

Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn đùn ép cán màng của dây chuyền sản xuất màng nhựa số 1,2,3.	Lưu lượng; Bụi tổng; CO; NO_x (tính theo NO_2); Benzen; Toluen; Xylen.	Lấy mẫu đơn trong vòng 03 ngày. Thời gian cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 14/10/2024 Lần 2: Ngày 15/10/2024	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B; QCVN 20:2009/ BTNMT
Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn đùn ép cán			

Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
màng của dây chuyền sản xuất màng nhựa số 4,5,6.		Lần3: Ngày 16/10/2024	
Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn phủ keo và sấy của dây chuyền sản xuất tấm đỡ pin số 1,2.	Lưu lượng, Benzen, Toluen, Xylen, Etanolamin, Etylbenzen, formaldehyt	Lấy mẫu đơn trong vòng 03 ngày. Thời gian cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 14/10/2024 Lần 2: Ngày 15/10/2024 Lần3: Ngày 16/10/2024	QCVN 20:2009/ BTNMT
Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn phủ keo và sấy của dây chuyền sản xuất tấm đỡ pin số 3.			
Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn phủ keo và sấy của dây chuyền sản xuất tấm đỡ pin số 4.			
Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải khu vực phết keo của nhà xưởng sản xuất tấm đỡ pin.			

2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm *(theo nội dung được cấp phép tại Phần A phục lục này).*

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày 5/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất tại nhà xưởng A.

+ Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất tại nhà xưởng D.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 vị trí (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trục 107º, múi chiếu 3º)

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ 01 vị trí tại khu vực lắp đặt máy móc sản xuất tấm đỡ pin năng lượng mặt trời (nhà xưởng A). Toạ độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung của Dự án (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0): VT2: X= 2350757; Y= 411609.

+ 01 vị trí tại khu vực lắp đặt máy móc sản xuất tấm màng nhựa (nhà xưởng D). Toạ độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung của Dự án (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0): VT1: X= 2350773; Y= 411517.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	*Khu vực thông thường*

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	*Khu vực thông thường*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm để giảm ma sát nhằm giảm tiếng ồn sinh ra.

- Các máy móc thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, thay thế nếu phát hiện hỏng hóc.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích tích lũy ở mức thấp nhất.

- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ, đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức độ ồn cao.

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng,...

- Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực ô nhiễm ồn, rung nhằm đảm bảo sức khoẻ lâu dài cho các công nhân. Có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /5/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên khoảng 191.273 tấn/năm:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu thải	17 02 03	Lỏng	593
2	Giẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	Rắn	60
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	20
4	Bavia, Sản phẩm tấm đỡ pin lỗi hỏng	03 02 01	Rắn	188.000
5	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	Rắn	1.800
6	Bao bì thải cứng bằng kim loại	18 01 02	Rắn	600
7	Bao bì thải cứng bằng nhựa	18 01 03	Rắnn	200
	Tổng cộng			**191.273**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 608 tấn/năm, trong đó:

STT	Chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Màng nhựa lỗi hỏng	200
2	Bavia màng nhựa, nhựa thừa	400
3	Túi bọc màng, đầu bịt, lõi cuộn	3,5
4	Palet gỗ lỗi hỏng	4,5
	Tổng	**608**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 125 kg/ngày tương đương với 1.300 kg/tháng với thành phần chủ yếu là chất hữu cơ, giấy các loại, nilon, vỏ chai lọ, kim loại,…

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với các chất thải là Dầu mỡ thải bỏ trong quá trình bảo dưỡng máy móc; Giẻ lau găng tay nhiễm thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải, sản phẩm tấm đỡ pin chứa keo lỗi hỏng: Được lưu chứa tại các thùng chứa CTNH chuyên dụng có nắp đậy dung tích 100l/thùng, bố trí trong kho chứa CTNH diện tích 12m^2 của dự án.

- Đối với bao bì cứng thải bằng kim loại và bằng nhựa nhiễm TPNH (can đựng keo, phụ gia) được xếp gọn trong kho chứa CTNH sau đó trả lại cho đơn vị cung ứng trong lần cung cấp tiếp theo.

- Đối với than hoạt tính thải từ hệ thống xử lý khí thải sau những lần thay than sẽ được lưu chứa vào các bao tải dứa buộc kín, xếp gọn trong kho chứa.

- Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến vận chuyển chất thải đi xử lý theo quy định với tần suất dự kiến 1 tháng/lần hoặc khi kho chứa đầy.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: diện tích 12m^2 (3mx4m) cao khoảng 2,5m bố trí ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kết cấu tường xây gạch trát vữa BTXM, Nền đổ bê tông, mái lợp tôn, có cửa khoá kín, có hệ thống PCCC, có biển cảnh báo và biển tên "Chất thải nguy hại".

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sản xuất

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải sản xuất tại các vị trí như sau:

Tại kho chứa bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy bằng nhựa với dung tích 100lít/thùng để lưu chứa chất thải sản xuất và ký hợp đồng thuê đơn vị đến thu gom, vận chuyển để xử lý theo quy định (tần suất 2 lần/tháng).

2.2.2. Kho chứa chất thải sản xuất:

- Diện tích kho chứa chất thải sản xuất: Kho có diện tích 20m^2 (5mx4m) cao khoảng 2,5m được bố trí ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế: Kết cấu tường xây gạch trát vữa BTXM, Nền đổ bê tông, mái lợp tôn, có cửa khoá kín, có biển tên "Chất thải sản xuất".

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Chủ dự án bố trí bố trí khoảng 10 thùng chứa có nắp đậy dung tích 20 lít/thùng đặt tại các phòng ban, nhà xưởng, nhà vệ sinh,… Sau đó thu gom về lưu chứa tại 02 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích khoảng 100 lít/thùng tại khu vực kho chứa CTSH, ký hợp đồng với đơn vị vệ sinh đến thu gom, vận chuyển để xử lý theo quy định (tần suất khoảng 1 lần/tuần).

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải sinh hoạt: diện tích 12m^2 (3mx4m) cao khoảng 2,5m, được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế: Kết cấu tường xây gạch trát vữa BTXM, Nền đổ bê tông, mái lợp tôn, có cửa khoá kín, có biển tên "Chất thải sinh hoạt" đã được đơn vị cho thuê xưởng xây dựng sẵn.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /5/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH Crown Advanced Maerial Việt Nam có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt Tiêu chuẩn quy định của khu công nghiệp Vân Trung trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý của khu công nghiệp Vân Trung.

- Vận hành các hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát; thực hiện vận hành thử nghiệm các hạng mục công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 242/TTr-TNMT ngày 21/5/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án.